CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Ông Phùng Tiến Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Ông Đỗ Đương Quy	Thành viên
Ông Vũ Quang Anh	Thành viên
Ông Dương Đức Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Đào Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Lưu Việt Bắc	Thành viên
Bà Phùng Ngọc Dung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Vĩnh Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0102355611 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
H. SÓC SƠN - T.P HÀ NỘI

Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

iCPA since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
T 024. 666 42 777 E contact@icpa.vn W www.icpa.vn

Số: 033002/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 4 đến trang 29 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

agn INTERNATIONAL Thành viên Hãng kiểm toán AGN International
Dịch vụ chuyên ngành : Kiểm toán. Kế toán. Tư vấn thuế. Tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**582.648.340.379**	**434.467.981.148**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**387.737.439.417**	**233.081.683.921**
1. Tiền	111		21.737.439.417	58.081.683.921
2. Các khoản tương đương tiền	112		366.000.000.000	175.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**12.315.332.500**	**67.316.077.100**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.332.500	6.077.100
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	12.310.000.000	67.310.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**177.824.603.974**	**125.513.065.945**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.626.453.891	10.972.389.999
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.463.035.493	5.076.269.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	167.735.114.590	109.464.406.646
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.10**	**111.818.521**	**109.263.298**
1. Hàng tồn kho	141		111.818.521	109.263.298
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.659.145.967**	**8.447.890.884**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	962.468.119	1.048.252.995
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		58.138.856	6.969.110.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	3.638.538.992	430.527.791
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.076.613.665.059**	**1.077.006.125.431**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**154.350.000**	**154.350.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	154.350.000	154.350.000
II. Tài sản cố định	**220**		**142.829.008.664**	**165.564.384.725**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	139.623.599.915	161.576.900.752
- Nguyên giá	*222*		*267.165.135.341*	*256.859.145.253*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(127.541.535.426)*	*(95.282.244.501)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	3.205.408.749	3.987.483.973
- Nguyên giá	*228*		*5.528.848.263*	*5.528.848.263*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(2.323.439.514)*	*(1.541.364.290)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**12.947.633.654**	**28.752.467.717**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	12.947.633.654	28.752.467.717
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**899.566.739.820**	**862.435.621.739**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	760.541.261.818	720.487.928.485
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	105.510.000.000	104.160.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	40.090.000.000	40.090.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(6.574.521.998)	(2.302.306.746)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**21.115.932.921**	**20.099.301.250**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	21.115.932.921	20.099.301.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.659.262.005.438**	**1.511.474.106.579**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**16.326.764.180**	**19.515.571.409**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**16.326.764.180**	**19.515.571.409**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	2.625.052.888	9.491.290.126
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	16.150.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	2.116.911.564	229.033.500
4. Phải trả người lao động	314		7.484.524.796	7.549.398.853
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	799.437.745	657.409.365
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.300.837.187	1.572.289.565
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.642.935.241.258**	**1.491.958.535.170**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.17**	**1.642.935.241.258**	**1.491.958.535.170**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.102.723.680.000	1.002.476.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.102.723.680.000	1.002.476.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.537.981.018	164.537.981.018
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.085.461.763	9.085.461.763
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		366.588.118.477	315.858.232.389
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*162.567.763.956*	*36.519.566.597*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*204.020.354.521*	*279.338.665.792*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.659.262.005.438**	**1.511.474.106.579**

Nguyễn Đình Lợi	**Ngô Quang Huy**	**Trương Vĩnh Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		78.782.692.701	113.449.487.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	78.782.692.701	113.449.487.667
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.321.862.356	81.163.258.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.460.830.345	32.286.229.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	217.920.005.363	268.021.022.962
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.272.216.870	(13.163.084.049)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*300.142.554*
8. Chi phí bán hàng	25		1.702.510.088	3.329.987.149
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.795.008.918	30.929.913.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		209.611.099.832	279.210.435.589
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.859.982.053	559.571.501
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.212.037.764	8.419.178
13. Lợi nhuận khác	40		(2.352.055.711)	551.152.323
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		207.259.044.121	279.761.587.912
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.238.689.600	422.922.120
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		204.020.354.521	279.338.665.792

Nguyễn Đình Lợi	Ngô Quang Huy	Trương Vĩnh Hùng
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**207.259.044.121**	**279.761.587.912**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	33.041.366.149	29.713.558.891
Các khoản dự phòng	03	4.272.215.252	(13.463.226.603)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.965.718)	(7.476.355)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(217.914.986.045)	(268.013.546.607)
Chi phí lãi vay	06	-	300.142.554
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**26.652.673.759**	**28.291.039.792**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(48.935.601.281)	23.400.621.434
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.555.223)	(103.135.113)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	3.641.512.614	(15.070.315.831)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(930.846.795)	2.461.046
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	744.600	(6.077.100)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(325.881.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(799.869.115)	(2.039.005.845)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.191.257.811)	(773.458.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(21.565.199.252)**	**33.376.247.624**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.498.843.975)	(22.381.992.339)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(65.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.000.000.000	21.600.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(41.403.333.333)	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	218.242.009.338	267.020.345.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**226.339.832.030**	**201.238.353.173**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	6.657.300.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(9.786.267.819)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.123.843.000)	(50.123.843.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(50.123.843.000)**	**(53.252.810.819)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**154.650.789.778**	**181.361.789.978**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**233.081.683.921**	**51.712.417.588**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.965.718	7.476.355
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**387.737.439.417**	**233.081.683.921**

Nguyễn Đình Lợi	**Ngô Quang Huy**	**Trương Vĩnh Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 30 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (tên cũ là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không, tên giao dịch quốc tế là Aviation Logistics Joint Stock Company, tên viết tắt là ALS) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2007. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 28 tháng 12 năm 2023.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.102.723.680.000 đồng (Một nghìn một trăm lẻ hai tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Dịch vụ vận tải mặt đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải; Chi tiết Dịch vụ làm thủ tục Hải quan; Dịch vụ kiểm tra cân hàng; Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển (đóng gói bao bì, giao nhận tại nhà, dịch vụ vận chuyển mặt đất); Dịch vụ nhận, gửi, chuyển phát hàng hóa; Đại lý vận tải; Dịch vụ Logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Hàng không; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Hoạt động kho bãi (dịch vụ đại lý kho vận, dịch vụ kho ngoại quan);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hóa kéo dài tại KCN VSIP Bắc Ninh và khu vực phía Đông Hà Nội.
3	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Hà Nội	50,05%	Vận hành trực tiếp Nhà ga hàng hoá ALS.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ trọng yếu như phục vụ hàng hóa hàng không; kho vận; phục vụ hàng hóa hàng không tại kho hàng không kéo dài.
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Hà Nội	100,00%	Thực hiện các hoạt động đầu tư, cung cấp các giải pháp, cơ sở hạ tầng Logistics tại Việt Nam.
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Bắc Ninh	51,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại Bắc Ninh.
7	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Bắc Ninh	50,10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
8	Công ty TNHH Giải pháp TNG	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ vận tải cho các đơn vị dưới thương hiệu Etruck.

Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Hà Nội	27,00%	Vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng.
2	Công ty Cổ phần ALS SDS	Hà Nội	48,00%	Dịch vụ Logistics giao nhận, vận tải.
3	Công ty Cổ phần Logistics ALAC	Hà Nội	45,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 74 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện, vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	04 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm máy tính	03 - 08

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	576.646.448	2.699.753.014
Tiền gửi ngân hàng	21.160.792.969	55.381.930.907
Các khoản tương đương tiền (*)	366.000.000.000	175.000.000.000
Cộng	**387.737.439.417**	**233.081.683.921**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 3,6%/năm.

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.310.000.000	67.310.000.000
Cộng	**12.310.000.000**	**67.310.000.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi sau:

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long số tiền 550.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tại thời điểm tái tục là 5,2%/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng số tiền 11.760.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tại thời điểm tái tục là 5,5%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	1.268.525.631	7.432.619.760
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	3.489.187.337	1.910.349.415
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.374.306.649	780.930.014
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	1.136.638.745	699.147.781
Phải thu khách hàng khác	357.795.529	149.343.029
Cộng	**7.626.453.891**	**10.972.389.999**
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	**7.363.261.169**	**10.833.790.227**
(Chi tiết tại Thuyết minh VII.1 - Bên liên quan)		

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	1.927.561.000	1.927.561.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Sao Bạc	187.363.360	-
Các nhà cung cấp khác	348.111.133	3.148.708.300
Cộng	**2.463.035.493**	**5.076.269.300**

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng người lao động	63.289.182.900	62.188.153.803
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
Phải thu khác	104.430.931.690	47.261.252.843
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	*1.007.026.300*	*1.334.049.593*
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	*33.646.495.000*	*33.646.495.000*
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia (**)	*65.054.000.000*	-
- Các khoản thu khác	*4.723.410.390*	*12.280.708.250*
Cộng	**167.735.114.590**	**109.464.406.646**
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	154.350.000	154.350.000
Cộng	**154.350.000**	**154.350.000**
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	**65.208.350.000**	**34.310.184.178**
(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được thực hiện theo Hợp đồng đặt cọc số 50/HĐĐC/ILS-ALS ngày 26/01/2017. Mục đích đặt cọc để đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng cho thuê lâu dài khu vực khai thác kinh doanh với diện tích 29.802 m2 tại dự án ICD xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị đặt cọc theo hợp đồng là 71.041.640.000 đồng. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.703,85 tỷ đồng. Trong đó, giá trị chưa bao gồm hạng mục trên đất của dự án là 422.810.325.000 đồng. Giá trị đặt cọc theo hợp đồng được xác định dựa trên tỷ lệ diện tích khu vực kinh doanh Công ty muốn thuê lâu dài so với tổng diện tích đất sử dụng của dự án. Thời hạn đặt cọc từ ngày 26/01/2017 đến khi 2 bên ký kết hợp đồng cho thuê lâu dài khu vực khai thác kinh doanh.

(**) Khoản phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia bao gồm:

Khoản phải thu Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS theo Thông báo số 0124/TB-ALSC ngày 26/12/2023 về việc tạm ứng chi trả cổ tức lần 2 năm 2023. Chi trả cổ tức bằng tiền: 15% giá trị cổ phần sở hữu. Thời gian thực hiện chi trả: từ ngày 11/01/2024.

Khoản phải thu Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS được thực hiện theo Quyết định của Chủ sở hữu Công ty ngày 29/12/2023 về chuyển tạm ứng lợi nhuận sau thuế năm 2023 về Công ty Cổ phần Logistics Hàng không số tiền 11.000.000.000 đồng. Thời gian thực hiện: trong tháng 01/2024.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.477.398	78.357.394
Chi phí bảo hiểm	78.998.892	46.905.983
Chi phí trả trước khác	863.991.829	922.989.618
Cộng	**962.468.119**	**1.048.252.995**
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	241.416.660	328.541.603
Quyền sử dụng đất	17.785.469.807	18.338.385.966
Chi phí trả trước khác	3.089.046.454	1.432.373.681
Cộng	**21.115.932.921**	**20.099.301.250**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	5.528.848.263	5.528.848.263
Số dư cuối năm	**5.528.848.263**	**5.528.848.263**
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.541.364.290	1.541.364.290
Hao mòn trong năm	782.075.224	782.075.224
Số dư cuối năm	**2.323.439.514**	**2.323.439.514**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	**3.987.483.973**	**3.987.483.973**
Tại ngày cuối năm	**3.205.408.749**	**3.205.408.749**

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 38.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 38.000.000 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản		
Dự án 4.3 ha	529.086.342	16.972.920.405
Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ Hỗ trợ (Logistics) tại Thị xã Mỹ Hào và Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	8.341.348.485	8.341.348.485
Dự án Nhà ở xã hội - Đông Anh	2.010.286.136	1.371.286.136
Dự án Phát triển phần mềm E-office	1.456.261.000	1.456.261.000
Dự án khác	610.651.691	610.651.691
Cộng	**12.947.633.654**	**28.752.467.717**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**187.598.286.779**	**53.107.208.711**	**7.542.871.399**	**104.187.272**	**8.506.591.092**	**256.859.145.253**
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.892.503.434	413.486.654	-	-	-	10.305.990.088
Số dư cuối năm	**197.490.790.213**	**53.520.695.365**	**7.542.871.399**	**104.187.272**	**8.506.591.092**	**267.165.135.341**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**64.699.947.588**	**25.873.283.320**	**4.221.525.158**	**59.760.000**	**427.728.435**	**95.282.244.501**
Khấu hao trong năm	23.742.551.370	6.538.771.158	938.831.114	14.809.091	1.024.328.192	32.259.290.925
Phân loại lại	(513.885.374)	(924.147.595)	(28)	12.957.954	1.425.075.043	-
Số dư cuối năm	**87.928.613.584**	**31.487.906.883**	**5.160.356.244**	**87.527.045**	**2.877.131.670**	**127.541.535.426**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**122.898.339.191**	**27.233.925.391**	**3.321.346.241**	**44.427.272**	**8.078.862.657**	**161.576.900.752**
Tại ngày cuối năm	**109.562.176.629**	**22.032.788.482**	**2.382.515.155**	**16.660.227**	**5.629.459.422**	**139.623.599.915**

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 16.256.460.139 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.577.823.246 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.742.749	-	8.921.661	-
Công cụ, dụng cụ	15.939.000	-	12.150.000	-
Hàng hoá	68.136.772	-	88.191.637	-
Cộng	**111.818.521**	**-**	**109.263.298**	**-**

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	16.500.000.000		-	16.500.000.000		-
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	21.175.000.000		-	21.175.000.000		-
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	150.150.000.000		-	150.150.000.000		-
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	50.000.000.000		-	30.000.000.000		-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	150.000.000.000		-	150.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	292.693.228.485		-	292.693.228.485		-
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	59.969.700.000		-	59.969.700.000		-
Công ty TNHH Giải pháp TNG	20.053.333.333		-	-		-
Cộng	**760.541.261.818**	**-**	**-**	**720.487.928.485**	**-**	**-**

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	97.200.000.000		(6.574.521.998)	97.200.000.000		(2.302.306.746)
Công ty Cổ phần ALS SDS	6.960.000.000		-	6.960.000.000		-
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	1.350.000.000		-	-		-
Cộng	**105.510.000.000**		**(6.574.521.998)**	**104.160.000.000**		**(2.302.306.746)**

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	CP	VND	VND	VND	CP	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	3.703.722	40.090.000.000	83.704.117.200	-	3.703.722	40.090.000.000	95.556.027.600	-
Cộng		**40.090.000.000**	**83.704.117.200**	**-**		**40.090.000.000**	**95.556.027.600**	**-**

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp: Nhà máy bê tông - kết cấu thép xây dựng Đông Anh	1.270.297.007	1.270.297.007	1.337.128.676	1.337.128.676
Công ty Cổ phần FTI ERP Solution	388.875.000	388.875.000	74.950.000	74.950.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc tế FPT	343.200.000	343.200.000	359.040.000	359.040.000
Các nhà cung cấp khác	622.680.881	622.680.881	7.720.171.450	7.720.171.450
Cộng	**2.625.052.888**	**2.625.052.888**	**9.491.290.126**	**9.491.290.126**
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	**43.526.804**	**43.526.804**	**4.315.400.739**	**4.315.400.739**
(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)				

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	321.908.921	-	321.908.921
Thuế thu nhập cá nhân	66.201.060	2.435.285.895	2.392.868.085	108.618.870
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.572.337.932	3.237.030.069	6.809.368.001	-
Cộng	**3.638.538.992**	**5.994.224.885**	**9.202.236.086**	**430.527.791**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	9.302.967.555	9.302.967.555	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.116.911.564	2.916.780.679	799.869.115	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.542.332.850	1.771.366.350	229.033.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	666.785.425	666.785.425	-
Cộng	**2.116.911.564**	**14.428.866.509**	**12.540.988.445**	**229.033.500**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	94.518.000	67.216.000
Bảo hiểm xã hội	-	4.296.100
Bảo hiểm y tế	-	1.315.500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	280.000
Các khoản phải trả khác:	704.919.745	584.301.765
- Cổ tức phải trả	*332.169.500*	*332.169.500*
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	*255.000.000*	*225.000.000*
- Các khoản khác	*117.750.245*	*27.132.265*
Cộng	**799.437.745**	**657.409.365**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	**907.308.540.000**	**162.318.881.018**	**9.085.461.763**	**180.373.529.597**	**1.259.086.412.378**
Vốn góp tăng trong năm	95.168.320.000	2.219.100.000	-	(90.730.120.000)	6.657.300.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	279.338.665.792	279.338.665.792
Chia cổ tức	-	-	-	(50.123.843.000)	(50.123.843.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	**1.002.476.860.000**	**164.537.981.018**	**9.085.461.763**	**315.858.232.389**	**1.491.958.535.170**
Vốn góp tăng trong năm	100.246.820.000	-	-	(100.246.820.000)	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	*100.246.820.000*	-	-	*(100.246.820.000)*	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	204.020.354.521	204.020.354.521
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(50.123.843.000)	(50.123.843.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(2.919.805.433)	(2.919.805.433)
Số dư cuối năm nay	**1.102.723.680.000**	**164.537.981.018**	**9.085.461.763**	**366.588.118.477**	**1.642.935.241.258**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 19/06/2023 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền: 2.919.805.433 đồng.
- Trả cổ tức bằng tiền: 50.123.843.000 đồng.

(**) Công ty thực hiện chi trả phần cổ tức còn lại năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 19/06/2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/NQ-HĐQT/ALS ngày 18/10/2023 như sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 100.246.820.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 28 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.102.723.680.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	110.194.010.000	9,99%	100.176.380.000	9,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	61.616.320.000	5,59%	56.014.840.000	5,59%
Công ty TNHH Dịch vụ sân bay Phía Nam	61.607.230.000	5,59%	56.006.580.000	5,59%
Các cổ đông khác	869.306.120.000	78,83%	790.279.060.000	78,83%
Cộng	**1.102.723.680.000**	**100%**	**1.002.476.860.000**	**100%**

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	**110.272.368**	**100.247.686**
- Cổ phiếu phổ thông	*110.272.368*	*100.247.686*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**110.272.368**	**100.247.686**
- Cổ phiếu phổ thông	*110.272.368*	*100.247.686*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**78.782.692.701**	**113.449.487.667**
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	78.782.692.701	113.449.487.667
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**-**
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**78.782.692.701**	**113.449.487.667**
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan	**74.964.927.722**	**110.035.672.823**
(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.321.862.356	81.163.258.261
Cộng	**50.321.862.356**	**81.163.258.261**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.235.316.869	2.223.246.607
Cổ tức lợi nhuận được chia	204.679.669.176	265.790.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.965.718	7.476.355
Doanh thu tài chính khác	53.600	-
Cộng	**217.920.005.363**	**268.021.022.962**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	4.272.215.252	(13.463.226.603)
Chi phí lãi vay	-	300.142.554
Chi phí tài chính khác	1.618	-
Cộng	**4.272.216.870**	**(13.163.084.049)**

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.083.483.877	19.017.787.669
Chi phí đồ dùng văn phòng	266.899.442	405.123.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.612.687.957	2.045.670.933
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.959.206	753.111.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.688.123.668	2.512.095.875
Chi phí bằng tiền khác	3.609.854.768	6.196.123.806
Cộng	**30.795.008.918**	**30.929.913.679**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản thu khác	1.859.982.053	559.571.501
Cộng	**1.859.982.053**	**559.571.501**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp	2.122.097.475	-
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	1.531.539.264	-
Các khoản chi khác	558.401.025	8.419.178
Cộng	**4.212.037.764**	**8.419.178**

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước	
		Văn phòng	Chi nhánh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**207.259.044.121**	**283.208.121.290**	**4.229.221.203**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế			
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	204.679.669.176	292.048.997.801	-
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	*204.679.669.176*	*273.466.054.581*	-
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	*18.582.943.220*	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	9.674.399.553	2.667.828.624	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*1.531.539.264*	*1.118.461.540*	-
- Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp, chi phí khác	*2.732.048.929*	-	-
- Chi phí khấu hao vượt 1,6 tỷ	*92.748.125*	*92.748.125*	-
- Chi phí không được trừ	*439.728.583*	*1.456.618.959*	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	*4.878.334.652*	-	
Thu nhập chịu thuế	**12.253.774.498**	**-**	**4.229.221.203**
Thuế suất			
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	0%
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	0%	0%	10%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	**2.450.754.900**	**-**	**422.922.120**
Thuế TNDN truy thu năm trước	787.934.700	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.238.689.600**	**-**	**422.922.120**

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Công ty con
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Công ty con
Công ty TNHH Giải pháp TNG	Công ty con
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ALS SDS	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	Cổ đông lớn
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Bán hàng	**74.964.927.722**	**110.035.672.823**
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	10.419.579.489	11.097.485.382
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	2.159.944.849	2.210.796.254
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	3.263.230.629	4.072.384.765
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	57.895.403.115	51.987.652.004
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	1.062.869.640	926.368.181
Công ty TNHH Giải pháp TNG	163.900.000	-
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	-	43.842.147
Công ty Cổ phần ALS SDS	-	39.697.144.090
b. Mua hàng	**2.435.056.737**	**22.334.373.360**
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	-	90.300.000
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	2.290.959.769	2.281.342.805
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	136.631.059	19.962.730.555
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	7.465.909	-
c. Góp vốn bằng tiền	**1.350.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	1.350.000.000	-

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

d. Thu hồi gốc vay	**-**	**21.600.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	-	11.600.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	-	10.000.000.000
e. Lãi vay nhận được	**-**	**63.698.633**
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	-	58.454.795
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	-	5.243.838
f. Cổ tức nhận được	**139.625.669.176**	**265.790.300.000**
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	72.072.000.000	171.171.000.000
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	26.400.000.000	33.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	19.558.919.176	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	15.496.350.000	21.537.300.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	6.098.400.000	5.082.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**7.363.261.169**	**10.833.790.227**
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	3.489.187.337	1.910.349.415
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.374.306.649	780.930.014
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	1.136.638.745	699.147.781
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	1.268.525.631	7.432.619.760
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	89.762.807	10.743.257
Công ty TNHH Giải pháp TNG	4.840.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	**43.526.804**	**4.315.400.739**
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	41.441.220	39.795.220
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	2.085.584	4.275.605.519
Phải thu ngắn hạn khác	**65.054.000.000**	**34.155.834.178**
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	-	9.270.720
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	54.054.000.000	279.084.232
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	-	8.019.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	11.000.000.000	150.423.384
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	-	59.908.802
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	-	2.633.040
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	-	33.646.495.000
Cầm cố, ký quỹ dài hạn	**154.350.000**	**154.350.000**
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	154.350.000	154.350.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.771.539.264	2.170.000.000
Cộng	**1.771.539.264**	**2.170.000.000**

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

Nguyễn Đình Lợi	**Ngô Quang Huy**	**Trương Vĩnh Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 30 tháng 03 năm 2024